

Bản án số: 18/2026/DS-ST

Ngày: 13/4/2026

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Juh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chế Công Nghị

2. Bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Quang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Đình Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2025/TLST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2025, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 2 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Ngọc T, sinh ngày 1966; Địa chỉ: Thôn S, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Lại Công T1, sinh năm 1979 và bà Trần Thị H, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Thôn Y, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Bùi Thị H1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn S, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2025, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đinh Ngọc T trình bày:

Vào ngày 05/5/2017 và ngày 13/6/2017 ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H có vay của tôi và bà H1 tổng số tiền 350.000.000 đồng, do bà H1 là người

đứng ra đưa tiền cho ông T1, bà H và bà H1 có nhắn tin để xác nhận số tiền ông T1 và bà H vay nêu trên, ông T1 và bà H không có ý kiến gì. Việc vay mượn trên là để ông T1 và bà H đầu tư làm ăn, ông T1 và bà H trả góp đến ngày 08/02/2024 đã trả được 265.000.000 đồng, số tiền này ông không tính lãi, số tiền còn nợ lại là 85.000.000 đồng. Đến nay tôi và bà H1 đã nhiều lần yêu cầu ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H trả nợ nhưng ông T1 và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết, sau đó ông T1 và bà H không hợp tác. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H phải trả tổng số tiền **101.000.000** đồng, trong đó: số tiền nợ gốc chưa trả là 85.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2024 đến ngày 11/02/2026 là 16.320.000 đồng, nhưng yêu cầu lấy tròn số lãi là 16.000.000 đồng; lãi này vợ chồng tôi đồng ý tính đến ngày hoà giải ngày 11/02/2026.

** Tại Biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H trình bày:*

Đối với số tiền 85.000.000 đồng này là khoản tiền lãi mà ông T, bà H1 hứa bằng miệng là đã cho tôi và ông T1, tuy nhiên đến nay ông T, bà H1 có yêu cầu đòi lại số tiền 85.000.000 đồng thì ông T1 và bà H cũng đồng ý trả và xin trả dần, riêng đối với khoản tiền lãi mà ông T, bà H1 đòi thì ông T1 và bà H không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét. Do điều kiện gia đình tôi khó khăn nên đến nay không trả được, ông T1 và bà H đồng ý trả lại tiền gốc nhưng theo hình thức trả dần cho đến hết số tiền trên và không đồng ý trả một lần.

** Tại bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H1 trình bày:*

Tôi là vợ của ông Đinh Ngọc T, tôi thống nhất với các yêu cầu của nguyên đơn và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa bà H1 yêu cầu ông T1, bà H trả cả gốc và lãi tổng số tiền **101.000.000** đồng; Trong đó: số tiền nợ gốc chưa trả là 85.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2024 đến ngày 11/02/2026 là 16.320.000 đồng, nhưng yêu cầu lấy tròn số lãi là 16.000.000 đồng. Số tiền lãi đồng ý tính đến ngày hoà giải ngày 11/02/2026.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 92, Điều 93, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Đề nghị Tòa án

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H phải trả cho ông Đinh Ngọc T và bà Bùi Thị H1 tổng số tiền là **101.000.000** đồng, trong đó: số tiền nợ gốc chưa trả là 85.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2024 đến ngày hoà giải là ngày 11/02/2026 là 16.000.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ 101.000.000, đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Ngọc T với ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn đang cư trú tại Thôn Y, xã I, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Vào ngày 05/5/2017 và ngày 13/6/2017 ông Đinh Ngọc T, bà Bùi Thị H1 có cho ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H vay tổng số tiền 350.000.000 đồng, do bà H1 là người đứng ra đưa tiền cho ông T1, bà H để ông T1 và bà H đầu tư làm ăn, ông T1 và bà H trả dần, đến ngày 08/02/2024 đã trả được 265.000.000 đồng, số tiền này ông T không tính lãi. Đến nay ông T1 và bà H còn nợ lại là 85.000.000 đồng; ông Đinh Ngọc T, bà Bùi Thị H1 đã nhiều lần đòi nhưng ông T1 và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn đã thừa nhận còn nợ ông Đinh Ngọc T, bà Bùi Thị H1 số tiền là 85.000.000 đồng, do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả được nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng bị đơn là bà Trần Thị H không có mặt mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc hoà giải; tại các phiên hoà giải bị đơn anh T1 (chồng bà H) cam kết thay mặt chị H và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền lợi của chị H. Xét thấy việc thoả thuận, thống nhất việc cử một mình anh T1 tham gia các buổi hoà giải là đúng quy định, vẫn đảm bảo quyền lợi của chị H.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Đinh Ngọc T yêu cầu bị đơn ông Lại Công T1 và bà là Trần Thị H trả số tiền nợ gốc chưa trả là 85.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2024 đến ngày hoà giải ngày 11/02/2026 là 16.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn nên yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả là 0,83% tính từ ngày 08/02/2024

đến ngày hoà giải ngày 11/02/2026 là 16.000.000 đồng là có căn cứ, hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Ngọc T và bà Bùi Thị H1 tổng số tiền là **101.000.000** đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 08/02/2024 đến ngày hoà giải ngày 11/02/2026 là 16.000.000 đồng.

Xét lời trình bày của bị đơn: ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H thừa nhận có nợ ông Đinh Ngọc T và bà Bùi Thị H1 số tiền 85.000.000 đồng, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên đến nay chưa có khả năng thanh toán cho ông T, bà H1. Đồng thời đề nghị xem xét trả nợ dần cho nguyên đơn, xét thấy lời đề nghị của bị đơn không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. H2 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 275, Điều 357, Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lại Công T1 và bà là Trần Thị H phải trả cho ông Đinh Ngọc T, bà Bùi Thị H1 tổng số tiền là 101.000.000 đồng (Một trăm triệu không trăm một triệu đồng), trong đó: số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lại Công T1 và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.050.000 đồng (**101.000.000** đồng x 5%).

Hoàn trả cho ông Đinh Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.864.750 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004779 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026), các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Juh

